

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 8 năm 2020**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 43



## TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

#### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 8/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 8/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom căn cứ trên Quyết định số 194/QĐ-SGDHN ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu là: MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Dân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Đức Liêm	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/7/2020)

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2017 và Thông tư số 155/2015 TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Ngọc Lân**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2020

Số: 702/2020/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần, được lập ngày 26 tháng 8 năm 2020, từ trang 04 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Vũ Ngọc An

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.601.054.542.142</b>	<b>1.810.205.250.028</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>170.527.995.610</b>	<b>135.232.552.354</b>
1. Tiền	111		149.228.095.582	123.900.658.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.299.900.028	11.331.893.810
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>618.102.105.562</b>	<b>925.923.587.407</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	463.919.700.491	784.760.809.684
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		80.621.249.380	78.109.424.212
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	73.561.155.691	63.053.353.511
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>768.932.136.660</b>	<b>715.250.480.270</b>
1. Hàng tồn kho	141		769.218.638.559	715.536.982.169
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(286.501.899)	(286.501.899)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>43.492.304.310</b>	<b>33.798.629.997</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	9.284.695.082	12.869.076.655
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.062.242.485	19.198.126.292
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	2.145.366.743	1.731.427.050
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>533.032.625.284</b>	<b>554.468.408.693</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>26.699.921.219</b>	<b>22.337.895.751</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	26.699.921.219	22.337.895.751
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>234.876.067.229</b>	<b>255.310.693.247</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	216.776.424.603	235.200.492.260
- Nguyên giá	222		760.028.418.490	762.141.690.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(543.251.993.887)	(526.941.198.057)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	18.099.642.626	20.110.200.987
- Nguyên giá	228		45.907.418.863	45.907.418.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.807.776.237)	(25.797.217.876)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>12.806.189.020</b>	<b>12.243.981.313</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	12.806.189.020	12.243.981.313
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>225.611.466.019</b>	<b>228.061.350.933</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.9	97.385.268.520	97.385.268.520
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.9	106.716.920.657	106.716.920.657
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.9	31.256.863.385	33.706.748.299
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.9	(10.413.478.943)	(10.413.478.943)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		665.892.400	665.892.400
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.038.981.797</b>	<b>36.514.487.449</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	33.038.981.797	36.514.487.449
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>2.134.087.167.426</b>	<b>2.364.673.658.721</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.765.898.930.449</b>	<b>2.016.071.358.571</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.681.007.913.654</b>	<b>1.933.053.144.893</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	316.534.222.715	386.658.633.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	125.407.259.468	18.748.447.946
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	4.953.394.831	8.884.339.104
4. Phải trả người lao động	314		40.703.684.372	120.784.670.827
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	19.458.245.162	27.193.049.674
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	5.342.705.516	36.717.604.107
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	27.154.476.486	18.902.527.080
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	1.123.284.841.873	1.291.804.039.450
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.169.083.231	23.359.833.231
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>84.891.016.795</b>	<b>83.018.213.678</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.10	336.080.764	479.366.454
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	27.523.339.599	25.267.014.292
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.868.263.500	2.108.500.000
4. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.16	55.163.332.932	55.163.332.932
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>368.188.236.977</b>	<b>348.602.300.150</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>368.188.236.977</b>	<b>348.602.300.150</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	31.399.897.713
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		154.788.339.264	135.202.402.437
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		135.202.402.437	80.013.321.940
- LNST chưa phân phối kì này	421b		19.585.936.827	55.189.080.497
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.134.087.167.426</b>	<b>2.364.673.658.721</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2020

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc





Đặng Minh Tuyền

Mai Văn Hoàng Dũng

Nguyễn Ngọc Lân

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	1.139.735.054.512	1.405.958.335.848
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	3.547.701.044	10.021.489.166
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	1.136.187.353.468	1.395.936.846.682
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	910.542.310.429	1.089.109.660.366
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		225.645.043.039	306.827.186.316
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	33.833.810.797	35.912.574.687
7. Chi phí tài chính	22	5.21	35.168.373.775	35.789.254.953
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.637.483.245	28.422.187.859
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	116.387.844.183	141.196.498.301
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	92.348.547.673	132.115.692.707
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		15.574.088.205	33.638.315.042
11. Thu nhập khác	31	5.24	5.274.488.834	7.745.259.649
12. Chi phí khác	32	5.24	24.043.911	3.375.709.332
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		5.250.444.923	4.369.550.317
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		20.824.533.128	38.007.865.359
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	1.238.596.301	3.484.539.843
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		19.585.936.827	34.523.325.516

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2020

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc





Đặng Minh Tuyền

Mai Văn Hoàng Dũng

Nguyễn Ngọc Lân



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 03a-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	20.824.533.128	38.007.865.359
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	28.130.654.449	31.561.921.800
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(19.586.941.521)	(28.024.431.171)
- Chi phí lãi vay	6	24.637.483.245	28.422.187.859
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	54.005.729.301	69.967.543.847
- Biến động các khoản phải thu	9	290.515.229.653	261.737.326.901
- Biến động hàng tồn kho	10	(53.681.656.390)	(138.947.239.084)
- Biến động các khoản phải trả	11	(83.488.394.675)	(158.297.366.432)
- Biến động chi phí trả trước	12	7.059.887.225	2.194.364.698
- Tiền lãi vay đã trả	14	(24.637.483.245)	(28.422.187.859)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.109.644.345)	(8.947.715.076)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.190.750.000)	(10.969.045.674)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>182.472.917.524</i>	<i>(11.684.318.679)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(855.331.536)	(29.178.788.884)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	190.972.727	1.237.787.588
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.449.884.914	7.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.556.197.204	28.899.828.632
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>21.341.723.309</i>	<i>8.458.827.336</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.184.532.827.457	1.448.209.728.728
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.353.052.025.034)	(1.527.328.203.277)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(45.500.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(168.519.197.577)</i>	<i>(124.618.474.549)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>35.295.443.256</i>	<i>(127.843.965.892)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	<i>135.232.552.354</i>	<i>186.336.871.446</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	<i>170.527.995.610</i>	<i>58.492.905.554</i>

Người lập



Đặng Minh Tuyên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2020  
Trưởng phòng Kế toán



Mai Văn Hoàng Dũng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

# TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09a-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 8/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 8/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 03 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom căn cứ trên Quyết định số 194/QĐ-SGDHN ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu là: MNB.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn tại ngày 30/6/2020:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Các cổ đông khác	13.160.000	131.600.000.000	72,31%
<b>Tổng</b>	<b>18.200.000</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/6/2020: 4.131 người (tại ngày 31/12/2019 là: 4.518 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;...

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ là sản xuất các sản phẩm may mặc cho thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN****1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2020, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b><u>Công ty con</u></b>		
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Hoàn thiện sản phẩm dệt	51,00%
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Gia công hàng may mặc	55,56%
Công ty CP May Đà Lạt	Gia công hàng may mặc	55,00%
Công ty CP May Bình Định	Gia công hàng may mặc	51,84%
Công ty CP May Tam Quan	Gia công hàng may mặc	51,00%
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Gia công hàng may mặc	51,00%
Công ty CP May Gia Lai	Gia công hàng may mặc	51,00%
<b><u>Công ty liên kết</u></b>		
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Gia công hàng may mặc	46,15%
Công ty CP May Sông Tiền	Gia công hàng may mặc	43,89%
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	Gia công hàng may mặc	36,00%
Công ty CP Du lịch NBC Cam Bình Resort	Kinh doanh địa điểm lưu trú	45,43%
Công ty CP May Gia Phúc	Gia công hàng may mặc	47,50%
Công ty CP May An Nhơn	Gia công hàng may mặc	45,90%
Công ty CP May 9	Gia công hàng may mặc	26,78%
Công ty CP ĐTPT Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Dịch vụ vận tải	28,58%
Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Xây dựng công trình	29,99%
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Kinh doanh máy móc thiết bị	30,00%
<b><u>Các đơn vị trực thuộc</u></b>		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum		
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định		
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng		
Chi nhánh 3 - Tổng công May Nhà Bè - CTCP tại Hà Nội		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Hải Phòng		
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Nam Định		
Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại UK		

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ Kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 6.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Tổng Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 30/6/2020.

(ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 30/6/2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)**

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ .

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

##### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

##### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

##### **a. Nguyên tắc kế toán**

###### **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế,... xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 (Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

**Tài sản cố định vô hình**

	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 (Số năm)</b>
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí khuyến mãi, chiết khấu; Chi phí nguyên vật liệu: vải chính.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí lãi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### **Ghi nhận ban đầu**

###### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Công nợ tài chính (Tiếp theo)**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con, Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng bộ phận hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ chủ yếu là sản xuất các sản phẩm may mặc nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.602.788.469	4.721.035.470
Tiền gửi ngân hàng	146.625.307.113	119.179.623.074
Các khoản tương đương tiền (ii)	21.299.900.028	11.331.893.810
<b>Tổng</b>	<b><u>170.527.995.610</u></b>	<b><u>135.232.552.354</u></b>

(ii) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần. Lãi suất tiền gửi từ 4,75%/năm đến 5%/năm.

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN

**5.2 Phải thu của khách hàng**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>463.919.700.491</b>	<b>784.760.809.684</b>
BMB Clothing Group	40.860.065.701	88.332.185.757
JP Global Import INC	34.661.694.786	31.144.493.570
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Nam - Vinatex	32.867.824.480	50.464.912.505
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	32.763.930.806	32.843.993.417
Generos De Punto Victrix, S.L.	18.741.538.148	27.052.609.806
Motives (Far East) Ltd.	18.101.225.804	34.835.289.079
H&M Hennes & Mauritz	12.290.315.859	17.900.461.003
Mattalan	8.800.290.682	7.866.844.717
Canda	7.926.196.304	9.821.338.457
Debenhams Retail	7.013.682.672	14.893.182.512
Arcadia Group Brands Ltd.	6.338.824.603	46.606.425.448
Công ty bảo hiểm PVI Thành Phố Hồ Chí Minh	5.128.194.974	16.826.915.766
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	-	45.319.297.462
Công ty TNHH NESTLE Việt Nam	14.847.777.091	105.195.253
Phải thu các đối tượng khác	223.578.138.581	360.747.664.932
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 6.1)		
<b>Tổng</b>	<b>463.919.700.491</b>	<b>784.760.809.684</b>

**5.3 Phải thu khác**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>73.561.155.691</b>	-	<b>63.053.353.511</b>	-
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	26.259.359.027	-	29.785.602.738	-
Phải thu về cổ tức (Công ty con, Liên kết)	9.824.647.278	-	-	-
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	7.506.043.834	-	7.117.112.328	-
Phải thu người lao động	6.029.464.876	-	1.559.531.173	-
Phải thu BHXH	4.857.998.894	-	5.342.368.916	-
Phải thu tạm ứng	2.455.596.212	-	2.392.571.303	-
Dự án Đức Linh 2	1.519.993.027	-	1.519.993.027	-
Công ty CP May Hoài Ân	1.066.931.505	-	1.049.479.451	-
Phải thu khác	13.758.437.288	-	13.939.985.357	-
Kỹ quỹ ký cược	282.683.750	-	346.709.218	-
<b>Dài hạn</b>	<b>26.699.921.219</b>	-	<b>22.337.895.751</b>	-
- Ký quỹ, ký cược	20.000.000	-	20.000.000	-
- Công ty CP May Phù Cát	3.381.480.000	-	3.381.480.000	-
- Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	8.700.000.000	-	4.000.000.000	-
- Đặt cọc thuê mặt bằng	2.570.091.444	-	2.908.065.976	-
- Phải thu khác	28.349.775	-	28.349.775	-
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 6.1)		-		-
<b>Tổng</b>	<b>100.261.076.910</b>	-	<b>85.391.249.262</b>	-

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu B 09a-DN****5.4 Hàng tồn kho**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	1.934.230.287	-	9.665.911.816	-
Nguyên liệu, vật liệu	234.912.996.536	(149.684.760)	226.402.386.833	(149.684.760)
Công cụ, dụng cụ	17.064.951.884	-	105.336.492	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	309.911.519.945	-	304.493.293.803	-
Thành phẩm	94.289.493.678	-	82.703.131.778	-
Hàng hóa	11.583.171.283	(136.817.139)	8.272.447.791	(136.817.139)
Hàng gửi bán	91.625.578.468	-	83.894.473.656	-
Hàng hóa kho bảo thuế	7.896.696.478	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>769.218.638.559</b>	<b>(286.501.899)</b>	<b>715.536.982.169</b>	<b>(286.501.899)</b>

**5.5 Chi phí trả trước**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>9.284.695.082</b>	<b>12.869.076.655</b>
Chi phí thuê mặt bằng	4.274.534.604	6.656.883.263
Chi phí bảo hiểm	818.571.415	1.784.823.495
Chi phí quảng cáo	620.753.666	908.378.698
Chi phí công cụ dụng cụ	515.336.837	833.519.594
Chi phí sửa chữa	380.166.955	477.128.584
Chi phí phụ tùng	343.515.633	648.162.660
Máy móc thiết bị	14.235.554	51.767.179
Chi phí khác	2.317.580.418	1.508.413.182
<b>b) Dài hạn</b>	<b>33.038.981.797</b>	<b>36.514.487.449</b>
Chi phí thuê đất	14.029.962.718	14.395.082.160
Chi phí sửa chữa	9.652.314.784	10.230.518.855
Chi phí công cụ dụng cụ	4.269.070.124	5.379.091.416
Máy móc thiết bị	2.570.751.083	3.591.098.607
Chi phí phụ tùng	677.230.390	924.966.340
Chi phí bảo hiểm	49.918.669	60.246.667
Chi phí quảng cáo	412.727.272	-
Chi phí khác	1.377.006.757	1.933.483.404
<b>Tổng</b>	<b>42.323.676.879</b>	<b>49.383.564.104</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2020	235.928.433.235	423.848.104.332	94.078.714.559	8.286.438.191	762.141.690.317
Tăng trong kỳ	-	6.862.665.167	810.867.129	33.733.636	7.707.265.932
Mua trong kỳ	-	6.393.907.003	480.000.000	33.733.636	6.907.640.639
Chuyển từ Xây dựng cơ bản	-	468.758.164	330.867.129	-	799.625.293
Giảm trong kỳ	-	8.335.075.807	1.485.461.952	-	9.820.537.759
Thanh lý nhượng bán	-	8.335.075.807	1.485.461.952	-	9.820.537.759
<b>Số dư tại 30/06/2020</b>	<b>235.928.433.235</b>	<b>422.375.693.692</b>	<b>93.404.119.736</b>	<b>8.320.171.827</b>	<b>760.028.418.490</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2020	159.326.574.021	289.390.099.645	71.264.271.294	6.960.253.097	526.941.198.057
Tăng trong kỳ	5.663.941.761	17.767.663.982	2.500.587.968	187.902.377	26.120.096.088
Khấu hao trong kỳ	5.663.941.761	17.767.663.982	2.500.587.968	187.902.377	26.120.096.088
Giảm trong kỳ	-	8.323.838.306	1.485.461.952	-	9.809.300.258
Thanh lý nhượng bán	-	8.323.838.306	1.485.461.952	-	9.809.300.258
<b>Số dư tại 30/06/2020</b>	<b>164.990.515.782</b>	<b>298.833.925.321</b>	<b>72.279.397.310</b>	<b>7.148.155.474</b>	<b>543.251.993.887</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2020	76.601.859.214	134.458.004.687	22.814.443.265	1.326.185.094	235.200.492.260
Tại ngày 30/06/2020	70.937.917.453	123.541.768.371	21.124.722.426	1.172.016.353	216.776.424.603

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2020: 333.676.058.141 đồng (tại ngày 31/12/2019: 296.674.241.249 đồng).

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2020	10.449.268.907	5.838.965.451	29.619.184.505	45.907.418.863
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2020	10.449.268.907	5.838.965.451	29.619.184.505	45.907.418.863
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2020	3.089.491.870	5.835.049.868	16.872.676.138	25.797.217.876
Tăng trong kỳ	196.468.152	3.915.583	1.810.174.626	2.010.558.361
Khấu hao trong kỳ	196.468.152	3.915.583	1.810.174.626	2.010.558.361
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2020	3.285.960.022	5.838.965.451	18.682.850.764	27.807.776.237
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2020	7.359.777.037	3.915.583	12.746.508.367	20.110.200.987
Tại ngày 30/06/2020	7.163.308.885	-	10.936.333.741	18.099.642.626

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2020 là 8.384.042.428 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 8.110.833.008 đồng).

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Nhà máy xử lý nước thải tập trung	4.697.563.000	4.697.563.000	4.697.563.000	4.697.563.000
- Cài tạo hệ thống xử lý nước thải	2.145.000.000	2.145.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000
- Mua sắm máy móc thiết bị	5.913.626.020	5.913.626.020	6.266.418.313	6.266.418.313
- Chi phí xây dựng cơ bản khác	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
<b>Tổng</b>	<b>12.806.189.020</b>	<b>12.806.189.020</b>	<b>12.243.981.313</b>	<b>12.243.981.313</b>



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.9 Đầu tư tài chính dài hạn**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ			30/06/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
		Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				<b>97.385.268.520</b>	-	<b>(7.000.000.000)</b>	<b>97.385.268.520</b>	-	<b>(7.000.000.000)</b>
1	Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	55,56%	55,56%	2.778.200	27.782.000.000	-	-	27.782.000.000	-	-
2	Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51,00%	1.530.000	17.850.000.000	-	-	17.850.000.000	-	-
3	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%	1.400.000	14.000.000.000	-	(7.000.000.000)	14.000.000.000	-	(7.000.000.000)
4	Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51,00%	1.275.000	12.750.000.000	-	-	12.750.000.000	-	-
5	Công ty CP May Bình Định	51,84%	51,84%	1.197.540	11.535.620.000	-	-	11.535.620.000	-	-
6	Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51,00%	765.000	7.650.000.000	-	-	7.650.000.000	-	-
7	Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55,00%	581.760	5.817.648.520	-	-	5.817.648.520	-	-
	<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>				<b>106.716.920.657</b>	-	<b>(3.413.478.943)</b>	<b>106.716.920.657</b>	-	<b>(3.413.478.943)</b>
1	Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	46,15%	46,15%	3.000.000	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	-	-
2	Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	43,89%	1.536.000	15.360.000.000	-	-	15.360.000.000	-	-
3	Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%	1.512.000	15.120.000.000	-	-	15.120.000.000	-	-
4	Công ty CP Du lịch NBC Cam Bình Resort	45,43%	45,43%	1.440.000	14.400.000.000	-	(3.413.478.943)	14.400.000.000	-	(3.413.478.943)
5	Công ty CP May Gia Phúc	47,50%	47,50%	950.000	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000	-	-
6	Công ty CP May An Nhơn	45,90%	45,90%	918.000	9.180.000.000	-	-	9.180.000.000	-	-
7	Công ty CP May 9	26,78%	26,78%	401.625	5.227.920.657	-	-	5.227.920.657	-	-
8	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	28,58%	28,58%	6.858	3.429.000.000	-	-	3.429.000.000	-	-
9	Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	29,99%	29,99%	300.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	-	-
10	Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	150.000	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000	-	-

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.9 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ			30/06/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
		Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				<b>31.256.863.385</b>	-	-	<b>33.706.748.299</b>	-	-
1	Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%	716.192	7.161.920.000	-	-	7.161.920.000	-	-
2	Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	576.480	5.802.843.385	-	-	5.802.843.385	-	-
3	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	2,61%	2,61%	548.550	5.337.100.000	-	-	5.337.100.000	-	-
4	Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	15,00%	15,00%	525.000	5.250.000.000	-	-	5.250.000.000	-	-
5	Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%	325.000	4.225.000.000	-	-	4.225.000.000	-	-
6	Công ty CP Dệt May Liên Phương	2,04%	2,04%	348.000	3.480.000.000	-	-	3.480.000.000	-	-
7	Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè				-	-	-	2.449.884.914	-	-
	<b>Tổng</b>				<b>235.359.052.562</b>	-	<b>(10.413.478.943)</b>	<b>237.808.937.476</b>	-	<b>(10.413.478.943)</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**5.10 Phải trả người bán**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>316.534.222.715</b>	<b>316.534.222.715</b>	<b>386.658.633.474</b>	<b>386.658.633.474</b>
Công ty CP May Gia Lai	22.075.076.963	22.075.076.963	27.739.552.611	27.739.552.611
Motives Internationa l (Hong Kong) Ltd.	19.042.711.995	19.042.711.995	-	-
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	12.665.329.508	12.665.329.508	10.048.584.002	10.048.584.002
Kuifner Hong Kong Ltd.	9.666.701.844	9.666.701.844	10.097.981.404	10.097.981.404
Công ty CP May Bình Định	6.016.357.299	6.016.357.299	3.329.956.230	3.329.956.230
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	5.155.010.084	5.155.010.084	20.520.540.368	20.520.540.368
Công ty CP May Tam Quan	3.985.179.918	3.985.179.918	21.565.132.500	21.565.132.500
Công ty CP May Phù Cát	3.034.118.399	3.034.118.399	9.371.163.073	9.371.163.073
Motives (Far East) Ltd.	1.452.707.122	1.452.707.122	12.613.513.135	12.613.513.135
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	1.392.477.591	1.392.477.591	19.646.133.025	19.646.133.025
Công Ty CP Dệt May Hưng An Bình	13.633.649.145	13.633.649.145	4.349.186.765	4.349.186.765
Công Ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	16.746.851.000	16.746.851.000	-	-
Nhà cung cấp khác	201.668.051.847	201.668.051.847	247.376.890.361	247.376.890.361
<b>b) Dài hạn</b>	<b>336.080.764</b>	<b>336.080.764</b>	<b>479.366.454</b>	<b>479.366.454</b>
Công ty CP Long Phương Đông	336.080.764	336.080.764	479.366.454	479.366.454
<b>c) Phải trả các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 6.1)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>316.870.303.479</b>	<b>316.870.303.479</b>	<b>387.137.999.928</b>	<b>387.137.999.928</b>

**5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>125.407.259.468</b>	<b>18.748.447.946</b>
BEG 4 KLOTHING INC	41.563.716.294	-
FAM, LLC	46.460.000.000	-
Motives (Far East) Ltd.	18.101.225.804	76.925.741
Manrich International Limited	-	7.402.476.056
Công ty Cổ phần Giáo Dục Quốc Tế Việt Úc	-	2.241.454.380
Đối tượng khác	19.282.317.370	9.027.591.769
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>125.407.259.468</b>	<b>18.748.447.946</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**5.12 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước**

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2020 VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	5.373.581.396	8.664.601.060	10.171.230.343	3.866.952.113
Thuế XNK	12.195.486	522.237.817	534.433.303	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	871.048.044	1.238.596.301	2.109.644.345	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.996.818.609	2.983.924.498	4.353.837.062	626.906.045
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	293.151.600	293.151.600	-
Thuế môn bài	-	18.000.000	18.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	630.695.569	2.144.288.484	2.315.447.380	459.536.673
<b>Tổng</b>	<b>8.884.339.104</b>	<b>15.864.799.760</b>	<b>19.795.744.033</b>	<b>4.953.394.831</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế xuất, nhập khẩu	1.731.427.050	-	80.110.531	1.811.537.581
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	333.829.162	333.829.162
<b>Tổng</b>	<b>1.731.427.050</b>	<b>-</b>	<b>413.939.693</b>	<b>2.145.366.743</b>

**5.13 Chi phí phải trả**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>19.458.245.162</b>	<b>27.193.049.674</b>
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	15.132.792.687	17.300.955.551
Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	1.142.187.900	466.381.403
Chi phí điện, nước, vận chuyển	82.241.229	5.278.082.136
Chi phí phải trả khác	3.101.023.346	4.147.630.584
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>19.458.245.162</b>	<b>27.193.049.674</b>

**5.14 Doanh thu chưa thực hiện**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.342.705.516</b>	<b>36.717.604.107</b>
Doanh thu nhận trước	5.342.705.516	36.717.604.107
<b>b) Dài hạn</b>	<b>27.523.339.599</b>	<b>25.267.014.292</b>
Doanh thu nhận trước	27.523.339.599	25.267.014.292
<b>Tổng</b>	<b>32.866.045.115</b>	<b>61.984.618.399</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**5.15 Phải trả khác**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>27.154.476.486</b>	<b>18.902.527.080</b>
Kinh phí công đoàn	1.495.598.409	1.301.560.611
Bảo hiểm xã hội	10.674.380.247	394.792.861
Bảo hiểm y tế	3.983.757.605	3.441.458.128
Bảo hiểm thất nghiệp	1.339.527.690	1.154.470.041
Phải trả khác	9.661.212.535	12.610.245.439
- Công ty CP May Gia Lai	1.849.248.962	3.727.693.666
- Công ty CP May Cửu Long	1.174.114.171	1.174.114.171
- Phải trả khác	6.637.849.402	7.708.437.602
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.868.263.500</b>	<b>2.108.500.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.868.263.500	2.108.500.000
<b>c) Phải trả khác là các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 6.1)	-	-
<b>Tổng</b>	<b>29.022.739.986</b>	<b>21.011.027.080</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09A-DN

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2020 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>1.123.284.841.873</b>	<b>1.123.284.841.873</b>	<b>1.184.532.827.457</b>	<b>1.353.052.025.034</b>	<b>1.291.804.039.450</b>	<b>1.291.804.039.450</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>1.108.590.191.829</b>	<b>1.108.590.191.829</b>	<b>1.184.438.713.556</b>	<b>1.337.734.410.931</b>	<b>1.261.885.889.204</b>	<b>1.261.885.889.204</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	467.949.255.254	467.949.255.254	495.579.263.470	505.515.246.901	477.885.238.685	477.885.238.685
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (2)	426.720.492.180	426.720.492.180	429.990.357.917	545.970.181.923	542.700.316.186	542.700.316.186
Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	49.904.931.889	49.904.931.889	51.147.928.184	163.029.957.298	161.786.961.003	161.786.961.003
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn (4)	93.535.075.348	93.535.075.348	71.288.625.728	11.678.454.748	33.924.904.368	33.924.904.368
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn (5)	52.823.083.901	52.823.083.901	118.472.957.198	74.123.112.755	8.473.239.458	8.473.239.458
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (6)	17.657.353.257	17.657.353.257	17.959.581.059	37.417.457.306	37.115.229.504	37.115.229.504
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>14.694.650.044</b>	<b>14.694.650.044</b>	<b>94.113.901</b>	<b>15.317.614.103</b>	<b>29.918.150.246</b>	<b>29.918.150.246</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (7)	7.894.474.920	7.894.474.920	76.460.840	8.499.785.920	16.317.800.000	16.317.800.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (8)	6.800.175.124	6.800.175.124	17.653.061	6.817.828.183	13.600.350.246	13.600.350.246
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>55.163.332.932</b>	<b>55.163.332.932</b>	-	-	<b>55.163.332.932</b>	<b>55.163.332.932</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (7)	27.296.503.200	27.296.503.200	-	-	27.296.503.200	27.296.503.200
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (8)	27.866.829.732	27.866.829.732	-	-	27.866.829.732	27.866.829.732
<b>Tổng</b>	<b>1.178.448.174.805</b>	<b>1.178.448.174.805</b>	<b>1.184.532.827.457</b>	<b>1.353.052.025.034</b>	<b>1.346.967.372.382</b>	<b>1.346.967.372.382</b>

## TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

#### 5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty là khoản vay có thời hạn cho vay dưới 12 tháng, và không có tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay. Danh sách cụ thể như sau:

[1] Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: Hợp đồng tín dụng số 0026/1928/N-CTD ngày 5/6/2019 và hợp đồng tín dụng số 0026/1928/N-CTD sửa đổi bổ sung ngày 13/5/2020. Hạn mức cho vay, bảo lãnh, bao thanh toán, chiết khấu, phát hành thư tín dụng là: 600.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 16/8/2020. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động.

[2] Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh: Hợp đồng tín dụng số 01/2020-HĐCVHM/NHCT 908-NBC ký ngày 20/5/2020. Hạn mức tín dụng là 600.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay được điều chỉnh một (1) tháng một lần. Thời hạn duy trì hạn mức các khoản tín dụng đến hết ngày 20/5/2021. Hợp đồng Bảo Đảm gồm: Hợp đồng thế chấp động sản số 02/2017-HĐTC MMTB/NHCT908-NBC ngày 14/9/2017; Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2018-HĐTC MMTB/NHCT908-NBC ngày 20/8/2018; Hợp đồng thế chấp động sản số 02/2018-HĐTC MMTB/NHCT908-NBC ngày 4/6/2018. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.

[3] Ngân hàng TMCP Á Châu: Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.1775.110719 ngày 30/7/2019. Hạn mức tín dụng là 170.000.000.000 VND hoặc USD tương đương, trong đó hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động: 50.000.000.000 VND (hoặc USD tương đương); hạn mức tài trợ xuất khẩu trước khi giao hàng: 120.000.000.000 VND (hoặc USD tương đương). Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu.

[4] Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn: Hợp đồng tín dụng số 11/19/HĐTD-HM/TTKD ngày 20/9/2019. Hạn mức tín dụng là 10.000.000 USD hoặc VND tương đương. Thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền gia công theo bảng kế số 0012/01 SEA.

[5] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn: Hợp đồng tín dụng số 01/2019/93189/HĐTD ngày 29/11/2019. Hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND (hoặc ngoại tệ quy đổi). Thời hạn của hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động/ bảo lãnh, mở L/C.

[6] Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh: Hợp đồng tín dụng số 0898/19/TD/I ngày 7/5/2019. Hạn mức cho vay là 55.000.000.000 VND. Thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 7/5/2019 đến ngày 7/5/2020. Lãi suất 3,5%/năm. Mục đích sử dụng là tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu. Hai Bên đang tiến hành các thủ tục để thực hiện gia hạn Hợp đồng tín dụng số 0898/19/TD/I ngày 7/5/2019.



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09A-DN

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty là các khoản vay có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 60 tháng. Danh sách cụ thể như sau:

[7] Vay dài hạn của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, gồm:

+ Các Hợp đồng vay số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27/02/2014, hạn mức vay không vượt quá 18.072.753.342 VND; Hợp đồng vay số 0031/ĐTDA/14CD ngày 6/10/2014, hạn mức vay 5.690.000 USD. Mục đích vay để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm. Hình thức đảm bảo khoản vay bằng hợp đồng thế chấp bằng chính tài sản được hình thành từ vốn vay.

+ Hợp đồng bao thanh toán chuyên biệt theo hạn mức số 0026/1928/T-TL/01 ngày 21/8/2019, số tiền cho vay tối đa là 26.640.000.000 VND, nhưng không vượt quá 80% tổng mức đầu tư của Phương án đầu tư. Trong đó, thời hạn Ngân hàng giải ngân vốn cho vay bằng đồng Đô-la Mỹ (USD) đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2019. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của Ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng là thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng; thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà Khách hàng đã thanh toán chi phí cho phương án đầu tư vượt phần vốn tự có tối thiểu phải tham gia theo phê duyệt của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ: 3,3%/năm với đồng Việt Nam (VND), 3,8%/năm với đồng Đô-la Mỹ (USD), lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 3 (ba) tháng/lần kể từ Ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Hình thức đảm bảo khoản vay là máy móc thiết bị mới hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có thuộc phương án đầu tư theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0063/1928/TCDN1 ngày 21/8/2019. Phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 13/5/2020 về việc duy trì Hạn mức Bao thanh toán Chuyên biệt đến hết ngày 16/8/2020.

[8] Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: gồm các Hợp đồng vay số 01/2018-HDDCVDDADDT/NHCT908-NHABECO ngày 4/6/2018, hạn mức vay không vượt quá 32.000.000.000 VND; Hợp đồng vay số 01/2017-HĐCVDADT-SĐBS02/NHCT908-NBC ngày 21/4/2017, hạn mức vay không vượt quá 21.300.000.000 VND; Hợp đồng vay số 02/2017-HĐCVDADT-SĐBS02/NHCT908-NBC ngày 18/9/2017, hạn mức vay không vượt quá 36.000.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lệ theo quy định. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm. Hình thức đảm bảo khoản vay bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017-HĐTC MMTB/NHCT908 và cam kết bảo lãnh bằng tài sản.



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09A-DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	182.000.000.000	31.399.897.713	125.513.321.940	338.913.219.653
Tăng trong năm	-	-	72.040.520.442	72.040.520.442
Lợi nhuận sau thuế	-	-	72.040.520.442	72.040.520.442
Giảm trong năm	-	-	62.351.439.945	62.351.439.945
Chia cổ tức năm 2018	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ khen thưởng	-	-	7.924.457.248	7.924.457.248
Quỹ phúc lợi	-	-	3.602.026.022	3.602.026.022
Giảm khác	-	-	5.324.956.674	5.324.956.674
Số dư tại 31/12/2019	182.000.000.000	31.399.897.713	135.202.402.437	348.602.300.150
Số dư tại 01/01/2020	182.000.000.000	31.399.897.713	135.202.402.437	348.602.300.150
Tăng trong kỳ	-	-	19.585.936.827	19.585.936.827
Lợi nhuận sau thuế	-	-	19.585.936.827	19.585.936.827
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2020	182.000.000.000	31.399.897.713	154.788.339.264	368.188.236.977

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	17.800.000.000	9,78%	17.800.000.000	9,78%
Các cổ đông khác	113.800.000.000	62,53%	113.800.000.000	62,53%
<b>Tổng</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	45.500.000.000

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu*

**e. Các quỹ doanh nghiệp**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	31.399.897.713	31.399.897.713
<b>Tổng</b>	<b>31.399.897.713</b>	<b>31.399.897.713</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**5.18 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.139.735.054.512</b>	<b>1.405.958.335.848</b>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.132.624.742.807	1.393.108.070.918
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.110.311.705	12.850.264.930
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>3.547.701.044</b>	<b>10.021.489.166</b>
Chiết khấu thương mại	382.514.675	843.630.780
Hàng bán bị trả lại	3.165.186.369	9.177.858.386
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.136.187.353.468</b>	<b>1.395.936.846.682</b>
<b>Doanh thu thuần với các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 6.1)</b>		

**5.19 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	909.485.010.813	1.087.701.203.717
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.057.299.616	1.408.456.649
<b>Tổng</b>	<b>910.542.310.429</b>	<b>1.089.109.660.366</b>

**5.20 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.160.457.633	1.902.806.556
Lãi cho vay	1.716.467.293	1.350.844.798
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.679.272.278	25.646.177.278
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.987.898.507	7.012.746.055
Lãi do thanh lý khoản đầu tư	3.289.715.086	-
<b>Tổng</b>	<b>33.833.810.797</b>	<b>35.912.574.687</b>

**5.21 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Lãi tiền vay	24.637.483.245	28.422.187.859
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.530.890.530	7.367.067.094
<b>Tổng</b>	<b>35.168.373.775</b>	<b>35.789.254.953</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**5.22 Chi phí bán hàng**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Chi phí nhân viên	25.874.496.177	31.146.857.553
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.446.866.710	2.019.704.408
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.495.816.246	1.904.381.524
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.739.612.042	2.843.508.411
Thuế, phí, lệ phí	53.812.000	80.294.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.917.773.388	94.405.318.599
Chi phí bằng tiền khác	5.859.467.620	8.796.433.716
<b>Tổng</b>	<b>116.387.844.183</b>	<b>141.196.498.301</b>

**5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	53.568.838.356	81.530.103.987
Chi phí vật liệu quản lý	3.450.756.638	5.350.646.395
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.173.801.225	1.477.375.163
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.364.934.036	8.224.776.887
Thuế phí và lệ phí	521.854.403	472.981.614
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.987.449.131	18.350.050.267
Chi phí bằng tiền khác	12.280.913.885	16.709.758.394
<b>Tổng</b>	<b>92.348.547.673</b>	<b>132.115.692.707</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**5.24 Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	30.744.317	875.397.461
Xử lý chênh lệch gia công	17.123.356	-
Cho thuê mặt bằng	35.700.000	1.290.185.874
Thu nhập từ tài trợ	733.984.230	-
Thu nhập do xử lý công nợ	1.141.824.029	1.638.931
Thu cước phí vận chuyển, FOB	839.565.675	1.874.750.789
Khác	2.475.547.227	3.703.286.594
<b>Tổng</b>	<b>5.274.488.834</b>	<b>7.745.259.649</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Xử lý chênh lệch gia công	-	670.858.806
Các khoản phạt	67.844	2.681.177.703
Khác	23.976.067	23.672.823
<b>Tổng</b>	<b>24.043.911</b>	<b>3.375.709.332</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>5.250.444.923</b>	<b>4.369.550.317</b>

**5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.824.533.128	38.007.865.359
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	2.047.720.657	5.061.011.135
Chi phí không được trừ	1.507.213.476	1.979.308.430
Chi phí khấu hao vượt định mức	540.439.337	400.525.002
Các khoản phạt	67.844	2.681.177.703
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	16.679.272.278	25.646.177.278
Thu nhập từ nhận cổ tức	16.679.272.278	25.646.177.278
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>6.192.981.507</b>	<b>17.422.699.216</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.238.596.301</b>	<b>3.484.539.843</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	440.158.593.010	603.720.414.125
Chi phí nhân công	235.165.144.083	285.387.106.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.130.654.449	30.918.515.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	408.476.836.157	452.724.903.430
Chi phí khác bằng tiền	7.845.731.353	14.128.663.339
<b>Tổng</b>	<b>1.119.776.959.052</b>	<b>1.386.879.602.645</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch bán hàng trong kỳ**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Công ty CP May Bình Thuận Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	270.250.000	260.256.364
		Nguyên phụ Liệu	51.000.000	-
		Khác	67.272.000	124.816.000
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Quần áo	-	13.663.640
		Khác	36.363.636	52.219.875
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Quần áo	63.180.579	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	87.074.316	17.454.497
		Tiền thuê nhà	72.642.600	144.835.200
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	2.680.000	6.900.000
		Khác	12.000.000	111.624.177
		Thiết bị các loại	-	377.272.728
		Tiền thuê nhà	372.418.785	-
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Nguyên phụ Liệu	103.874.500	105.305.500
		Khác	-	62.721.300
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	750.000.000	900.000.000
		Khác	-	52.103.088
Công ty CP May Nhà Bè Hậu Giang	Công ty con	Quần áo	26.403.010	363.069.272
		Điện, ăn, nước, thuê máy	1.380.014	858.000
		Khác	1.170.753	202.404.340
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên kết	Quần áo	1.718.816.494	12.969.336.263
		Khác	6.300.000	7.130.000
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Quần áo	11.812.586	9.632.727
		Điện, ăn, nước, thuê máy	58.813.137	24.222.000
		Khác	61.626.793	125.571.037
Công ty CP May An Nhơn	Công ty liên kết	Quần áo	-	53.872.866
		Khác	18.860.000	33.550.000

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch bán hàng trong kỳ (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Chi nhánh Công ty CP Truyền thông và Du lịch NBC	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	3.000.000	-
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	Quần áo	128.791.568	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	138.319.420	34.670.276
		Tiền thuê nhà	110.809.550	221.021.600
		Khác	8.000.000	9.875.000
		Thiết bị các loại	-	22.700.000
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	82.850.649	36.438.628
		Tiền thuê nhà	102.630.000	299.640.000
Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	Quần áo	-	22.222.728
		Điện, ăn, nước, thuê máy	88.494.844	28.068.063
		Tiền thuê nhà	69.630.000	139.260.000
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên kết	Quần áo	54.409.091	21.004.004
		Điện, ăn, nước, thuê máy	7.280.000	14.560.000
		Nguyên phụ liệu	7.981.818	78.472.727
		Khác	109.815.000	439.344.150
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Quần áo	167.092.000	-
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Khác	7.270.000	-

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch mua hàng trong kỳ**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Gia công	10.041.684.964	11.542.121.682
		Hoa hồng	111.338.046	86.364.275
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Gia công	17.617.055.997	36.364.666.355
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Gia công	9.918.123.014	9.248.445.925
		Khác	-	47.520.000
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Gia công	18.512.897.037	41.057.369.622
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Gia công	46.135.579.496	49.008.243.767
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Gia công	2.231.925.255	54.335.758
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Gia công	22.869.587.704	50.425.119.929
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Gia công	29.473.750	42.061.598.179
		Phí vận chuyển	30.383.144.182	-
Công ty CP Du Lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết	Văn phòng phẩm	-	6.169.135
		Quảng cáo	-	5.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	Phí vận chuyển	27.883.175.319	20.572.636.860
		Khác	15.825.028.615	49.003.209.666
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Thiết bị các loại	11.500.000	7.621.347.000
		Dịch vụ bảo trì	-	1.600.000
		Công cụ, dụng cụ	181.960.000	7.080.000
		Sửa chữa	3.410.000	-
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	Thiết bị các loại	841.844.680	-
		Công cụ, dụng cụ	550.747.400	1.622.160.048
		Sửa chữa	-	28.181.800
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên kết	Gia công	4.888.084.525	-
Chi nhánh Công ty CP May Sông Tiền - Xí nghiệp May An Giang	Công ty liên kết	Gia công	-	5.569.396.842
Công ty CP May An Nhơn	Công ty liên kết	Gia công	5.533.731.717	6.504.879.468
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Gia công	17.826.801.809	-



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản mục	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng ngắn hạn	32.763.930.806	32.843.993.417
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng ngắn hạn	4.789.850.000	3.964.850.000
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng ngắn hạn	4.421.846.497	4.459.264.997
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Phải thu khách hàng ngắn hạn	2.668.944.302	2.810.426.287
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.165.631.134	1.105.293.443
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng ngắn hạn	188.155.000	-
Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng ngắn hạn	76.593.000	61.721.000
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng ngắn hạn	67.052.263	67.052.263
Công ty CP Du lịch NBC Cam Binh Resort	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.650.000	-
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	28.770.720
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	30.250.000
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	53.981.621.036
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	97.048.000
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	93.560.500
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	26.259.359.027	29.785.602.738
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	7.506.043.834	7.117.112.328
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	4.282.161.906	712.335.606
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	3.101.525.489	155.246.564
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	3.072.000.000	-
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	1.519.993.027	1.519.993.027
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	1.049.424.658	-
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	954.663.748	82.559.870
Công ty CP May An Nhơn	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	916.360.718	916.360.718
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	904.963.636	1.440.558.157
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải thu khác ngắn hạn	403.310.873	413.731.487
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	119.547.395	193.820.630
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	59.762.898	-
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	36.357.614	44.385.523
Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên kết	Phải thu khác ngắn hạn	20.782.821	16.043.781
Công ty CP Thương mại Nhà Bè	Đầu tư khác	Phải thu khác ngắn hạn	-	-
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Phải thu khác dài hạn	8.700.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác dài hạn	12.000.000.000	12.000.000.000

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	170.527.995.610	135.232.552.354
Phải thu khách hàng và phải thu khác	549.725.181.189	855.759.487.643
<b>Tổng</b>	<b>720.253.176.799</b>	<b>990.992.039.997</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.178.448.174.805	1.346.967.372.382
Phải trả người bán và phải trả khác	345.893.043.465	408.149.027.008
Chi phí phải trả	19.458.245.162	27.193.049.674
<b>Tổng</b>	<b>1.543.799.463.432</b>	<b>1.782.309.449.064</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Rủi ro về giá**

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2020</b>			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	343.688.699.201	2.204.344.264	345.893.043.465
Chi phí phải trả	19.458.245.162	-	19.458.245.162
Các khoản vay	1.123.284.841.873	55.163.332.932	1.178.448.174.805
<b>Tổng</b>	<b>1.486.431.786.236</b>	<b>57.367.677.196</b>	<b>1.543.799.463.432</b>
<b>Tại 01/01/2020</b>			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	405.561.160.554	2.587.866.454	408.149.027.008
Chi phí phải trả	27.193.049.674	-	27.193.049.674
Các khoản vay	1.291.804.039.450	55.163.332.932	1.346.967.372.382
<b>Tổng</b>	<b>1.724.558.249.678</b>	<b>57.751.199.386</b>	<b>1.782.309.449.064</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2020</b>			
Tiền và các khoản trưng đương tiền	170.527.995.610	-	170.527.995.610
Phải thu khách hàng và phải thu khác	535.025.259.970	14.699.921.219	549.725.181.189
<b>Tổng</b>	<b>705.553.255.580</b>	<b>14.699.921.219</b>	<b>720.253.176.799</b>
<b>Tại 01/01/2020</b>			
Tiền và các khoản trưng đương tiền	135.232.552.354	-	135.232.552.354
Phải thu khách hàng và phải thu khác	845.421.591.892	10.337.895.751	855.759.487.643
<b>Tổng</b>	<b>980.654.144.246</b>	<b>10.337.895.751</b>	<b>990.992.039.997</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)** Mẫu B 09a-DN

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2020*

**Người lập**



**Đặng Minh Tuyên**

**Trưởng phòng Kế toán**



**Mai Văn Hoàng Dũng**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Lân**

